

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 165/2015/NQ-HĐND

Tuy Hòa, ngày 25 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, quản lý lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP, ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP, ngày 06/3/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC, ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC, ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC, ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 152/TTr-UBND, ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí:

Các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính.

2. Cơ quan thu lệ phí:

- Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh (nếu chưa thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai): Thu lệ phí các tổ chức.

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện (nếu chưa thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai): Thu lệ phí hộ gia đình, cá nhân.

3. Mức thu lệ phí:

TT	Danh mục lệ phí	Mức thu (đồng/giấy chứng nhận)
I	Đối với hộ gia đình cá nhân tại các phường thuộc TP Tuy Hòa và TX Sông Cầu	
1	Lệ phí cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.	
1.1	Đối với nhà cấp 4.	80.000
1.2	Đối với nhà cấp 3 trở lên.	100.000
2	Lệ phí cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.	
2.1	Đối với nhà cấp 4.	40.000
2.2	Đối với nhà cấp 3 trở lên.	50.000
3	Lệ phí cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).	25.000
4	Lệ phí cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).	20.000
5	Chứng nhận đăng ký biến động.	20.000
6	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.	15.000
II	Đối với hộ gia đình cá nhân tại các xã, thị trấn	
1	Lệ phí cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.	
1.1	Đối với nhà cấp 4.	40.000
1.2	Đối với nhà cấp 3 trở lên.	50.000
2	Lệ phí cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.	
2.1	Đối với nhà cấp 4.	20.000
2.2	Đối với nhà cấp 3 trở lên.	25.000
3	Lệ phí cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).	12.000
4	Lệ phí cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).	8.000
5	Chứng nhận đăng ký biến động.	10.000
6	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.	7.000
III	Đối với tổ chức	

1	Lệ phí cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất.	500.000
2	Lệ phí cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).	100.000
3	Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận.	50.000
5	Chứng nhận đăng ký biến động.	30.000
6	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.	30.000

4. Quản lý lệ phí thu được:

Lệ phí địa chính là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, đơn vị thu lệ phí nộp toàn bộ 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/01/2016.

Bãi bỏ Nghị quyết số 149/2010/NQ-HĐND, ngày 16/7/2010 của HĐND tỉnh về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh và điểm c mục 9, mục 14 trong Danh mục mức thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/2007/NQ-HĐND, ngày 19/7/2007 của HĐND tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2015./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt